

# MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM DỊCH TỄ Ở BỆNH NHÂN VIÊM MÀNG NÃO MŨ ĐIỀU TRỊ TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA BẮC GIANG (2003 - 2008)

ĐỖ TUẤN ANH - Học viện Quân y  
NGUYỄN HOÀNG QUỲNH - Trường trung cấp y tế Bắc Giang

## TÓM TẮT

Qua kết quả nghiên cứu 51 bệnh nhân VMNM điều trị tại khoa Truyền nhiễm - Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang từ tháng 01/2003 đến 06/2008, chúng tôi có một số kết luận sau:

- Tỷ lệ mắc bệnh cao nhất gặp ở người lớn (80,39%)
- Tỷ lệ mắc bệnh ở nam cao hơn nữ (68,62% và 31,38%)
- Tỷ lệ bệnh nhân mắc bệnh cao nhất vào mùa hè, tiếp đến là mùa xuân (43,14% và 29,41%)
- Hầu hết bệnh nhân ở ngoại thành (96,18%)
- Đa số bệnh nhân là nông dân (68,63%)

## Summary

Research 51 purulent meningitis patients treated at Faculty of infectious - Bac Giang general hospital from 01/2003 to 06/2008, we draw some conclusions as follows:

- The highest incidence occurs in adults (80.39%)
- Incidence rate in men was higher in women (68.62% and 31.38%)
- Patients rate the highest in summer, and then in spring (43.14% and 29.41%)
- Most patients in suburban (96.18%)
- Most patients are farmers (68.63%)

## ĐẶT VẤN ĐỀ

Viêm màng não mủ (VMNM) hay Viêm màng não nhiễm khuẩn là bệnh nhiễm khuẩn cấp tính của hệ thần kinh trung ương, do nhiều loại vi khuẩn gây nên, biểu hiện lâm sàng bằng hội chứng nhiễm khuẩn cấp và hội chứng màng não [1],[2],[5],[6]. Việt Nam theo thống kê của Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương, tỷ lệ mắc và tỷ lệ tử vong của VMNM năm 1994 là 3,15 và 0,09/100.000 dân. Trong 10 năm (1983 - 1992) tại Bệnh viện Nhi Trung ương có 1.958 bệnh nhân mắc VMNM, chiếm 1,08% đứng hàng thứ 6 trong các bệnh phải nhập viện, tỷ lệ tử vong là 10,82% và tỷ lệ để lại di chứng là 10,81% [3],[4]. Như vậy ở nước ta, VMNM vẫn là bệnh phổ biến có tỷ lệ tử vong cao và để lại di chứng nặng nề.

Để hạn chế tỷ lệ mắc bệnh viêm màng não do vi khuẩn, chúng tôi tiến hành nghiên cứu này nhằm mục tiêu: Tìm hiểu một số yếu tố dịch tễ ở bệnh nhân VMNM điều trị tại bệnh viện đa khoa Bắc Giang (2003 - 2008)

## ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 1. Đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu trên 51 bệnh nhân (từ 3 tháng - 80 tuổi) được chẩn đoán xác định VMNM điều trị tại khoa Truyền nhiễm - Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang từ 1/2003 đến 6/2008.

Chọn vào nghiên cứu những bệnh nhân có các tiêu chuẩn sau

- + Hội chứng nhiễm khuẩn - nhiễm độc + Hội chứng màng não

- + Xét nghiệm dịch não tủy: Protein tăng, số lượng tế bào trong DNT tăng, chủ yếu là BC hạt trung tính, nuôi cấy dịch não tủy tìm thấy vi khuẩn gây bệnh.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

Sử dụng phương pháp nghiên cứu hồi cứu từ 1/2003 đến 6/2008 (có 42 bệnh nhân).

Lập mẫu thống kê và lập các bảng về:

- Phân bố bệnh nhân theo tuổi và giới.
- So sánh tỷ lệ mắc VMNM giữa 2 lứa tuổi, giữa giới nam và nữ.
- Tỷ lệ bệnh nhân VMNM phân bố theo năm.
- Tần suất mắc bệnh phân bố theo mùa: Xuân, Hạ, Thu, Đông.
- Phân bố bệnh nhân theo địa dư: Xác định tỷ lệ mắc bệnh ở các địa phương trong tỉnh Bắc Giang (Thành phố/Huyện).
- Phân bố bệnh nhân theo nghề nghiệp: Cán bộ, nông dân, học sinh, trẻ nhỏ và nghề khác.

## 3. Kỹ thuật xử lý số liệu

Phân tích xử lý số liệu theo phương pháp thống kê y sinh học, sử dụng phần mềm Epi Info 6.04 và SPSS 11.5.

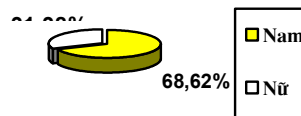
## Kết quả nghiên cứu và bàn luận

Bảng 1: Tỷ lệ bệnh nhân VMNM phân bố theo tuổi

Lứa tuổi	Số lượng BN	Tỷ lệ %	Tổng		
			n	%	
Trẻ em (<16 tuổi)	3th - 2 tuổi	5	9,80	10	19,61
	3 - 15 tuổi	5	9,80		
Người lớn (≥ 16 tuổi)	16 - 50 tuổi	24	47,06	41	80,39
	> 50 tuổi	17	33,34		
Tổng		51	100	51	100

Trong số bệnh nhân nghiên cứu của chúng tôi cho thấy:

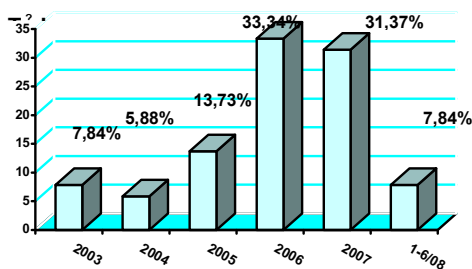
- Tuổi mắc bệnh thấp nhất là 3 tháng tuổi, cao nhất là 80 tuổi.
- Bệnh gặp chủ yếu ở người lớn (≥ 16 tuổi) với 41 bệnh nhân, chiếm 80,39%. Lứa tuổi trẻ em có 10 bệnh nhân, chiếm 19,61%.
- Trong lứa tuổi người lớn, bệnh gặp nhiều hơn ở độ tuổi từ 16 - 50 tuổi (24 bệnh nhân), độ tuổi trên 50 có 17 bệnh nhân.



Biểu đồ 1: Tỷ lệ bệnh nhân VMNM phân bố theo giới

Qua biểu đồ 1 cho thấy tỷ lệ bệnh nhân nam nhiều hơn nữ rõ rệt với 35/51 bệnh nhân nam, chiếm

68,62%. Trong khi đó bệnh nhân nữ chỉ có 16/51, chiếm 31,38%.



**Biểu đồ 2: Tỷ lệ bệnh nhân VMNM phân bố theo năm**

Kết quả ở Biểu đồ 2 cho thấy bệnh nhân VMNM trong năm 2006 chiếm tỷ lệ cao nhất với 17 bệnh nhân (33,34%). Tiếp đến là năm 2007 có 16 bệnh nhân (31,37%). Năm 2005 có 7 bệnh nhân (13,73%). Năm 2003 có 4 bệnh nhân (7,84%). Thấp nhất là năm 2004 với 3 bệnh nhân, chiếm 5,88%. Năm 2008 mới có kết quả của 6 tháng đầu năm (4 bệnh nhân).

**Bảng 2: Bệnh nhân VMNM phân bố theo mùa**

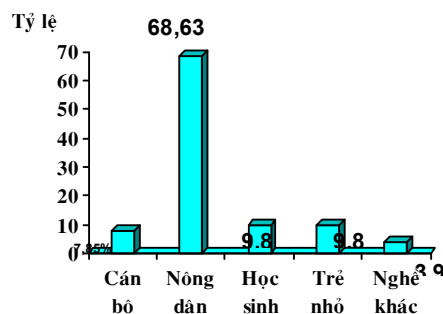
Mùa	Xuân	Hạ	Thu	Đông	Cộng
Số BN	15	22	9	5	51
Tỷ lệ %	29,41	43,14	17,65	9,80	100

Từ bảng 2 nhận thấy số bệnh nhân VMNM gặp ở tất cả các tháng trong năm. Bệnh gặp nhiều nhất vào mùa Hạ với 22 bệnh nhân (43,14%) và ít nhất vào mùa Đông với 5 bệnh nhân (9,80%). Mùa Xuân có 15 bệnh nhân, chiếm 29,41% và mùa Thu có 9 bệnh nhân (17,65%).

**Bảng 3: BN VMNM phân bố theo địa dư (thành phố/huyện)**

TP/Huyện	Số bệnh nhân	Tỷ lệ %
TP Bắc Giang	2	3,92
Tân Yên	4	7,84
Yên Thế	3	5,88
Hiệp Hoà	3	5,88
Lạng Giang	11	21,58
Việt Yên	6	11,76
Yên Dũng	7	13,73
Lục Nam	6	11,76
Lục Ngạn	7	13,73
Sơn Động	2	3,92
Cộng	51	100

Bệnh VMNM gặp ở hầu hết các địa phương trong tỉnh Bắc Giang. Trong đó, huyện Lạng Giang có tỷ lệ bệnh nhân cao nhất với 11 bệnh nhân, chiếm 21,58%. Huyện Yên Dũng và Lục Ngạn có 7 bệnh nhân (13,73%). Huyện Việt Yên và Lục Nam có 6 bệnh nhân (11,76%). Thành phố Bắc Giang và huyện Sơn Động gặp ít nhất với 2 bệnh nhân (chiếm 3,92%).



**Biểu đồ 3: Bệnh nhân VMNM phân bố theo nghề nghiệp**

Bệnh VMNM không có tính đặc thù nghề nghiệp. Tuy nhiên, theo nghiên cứu của chúng tôi bệnh gặp nhiều hơn ở đối tượng là nông dân (có 35 bệnh nhân, chiếm 68,63%), 4 bệnh nhân là cán bộ (7,85%), 5 bệnh nhân là học sinh (chiếm 9,80%), 5 bệnh nhân là trẻ nhỏ  $\leq 2$  tuổi, còn lại là nghề khác chiếm 3,92%.

### KẾT LUẬN

Qua kết quả nghiên cứu 51 bệnh nhân VMNM điều trị tại khoa Truyền nhiễm - Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang từ tháng 01/2003 đến 06/2008, chúng tôi có một số kết luận sau:

- Tỷ lệ mắc bệnh cao nhất gặp ở người lớn (80,39%)
- Tỷ lệ mắc bệnh ở nam cao hơn nữ (68,62% và 31,38%)
- Tỷ lệ bệnh nhân mắc bệnh cao nhất vào mùa hè, tiếp đến là mùa xuân (43,14% và 29,41%)
- Hầu hết bệnh nhân ở ngoại thành (96,18%)
- Đa số bệnh nhân là nông dân (68,63%)

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Nhật An, Nguyễn Ngọc Khánh (2001), □Căn nguyên và một số đặc điểm lâm sàng Viêm màng não mủ ở trẻ em tại Viện Nhi Trung ương năm 1999□ Y học thực hành số 10/2001, 40-44.
2. Bùi Đại, Nguyễn Văn Mùi, Nguyễn Hoàng Tuấn (2005), □Bệnh học truyền nhiễm. NXB Y học, 171-361.
3. Phạm Thị Sứ, Nguyễn Văn Lâm (2000), □Một số đặc điểm dịch tễ, lâm sàng theo căn nguyên viêm màng não nhiễm khuẩn ở trẻ em□. Nhi khoa. Kỷ yếu công trình nghiên cứu khoa học năm 2000. NXB Y học, 391-395.
4. Nguyễn Thị Thanh (2004), □Nghiên cứu một số đặc điểm dịch tễ lâm sàng, cận lâm sàng và nhận xét kết quả điều trị bệnh viêm màng não mủ ở trẻ sơ sinh□. Luận văn tốt nghiệp bác sĩ chuyên khoa cấp II. Đại học Y khoa Hà Nội, 64-82.
5. Amir A, Zaheer M, Yunus M, Ahmad P, Ajmal M.R (1993), □A clinico-epidemiological study of pyogenic meningitis in children□, Indian Journal of maternal and Child Health, 4(4), 114-117.
6. Allan R. Tunkel (2001), □Epidemiology and Etiology - Bacterial Meningitis. Awolters, Kluwer company. Philadelphia, Lippin Cott, Williams and Wilkin, 17-90.